

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-BXD ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 243/TTr-SXD ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung 05 danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và thay thế tại số thứ tự như sau:

- Số thứ tự 67 Mục II; số thứ tự 145, 147, 149 Mục XII, Phần A, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

- Số thứ tự 01 Mục I, Phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhà ở, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

2. Sửa đổi, bổ sung 04 danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và thay thế tại các số thứ tự sau:

- Số thứ tự 19, 20, 22 Mục I, Phần B, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

- Số thứ tự 01 Mục I, Phần B, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhà ở, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

3. Bãi bỏ số thứ tự 02 Mục I, Phần A, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng; số thứ tự 01, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

(Có Phụ lục I, II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC.Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I
Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng,
Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH: 05 TTHC					
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 04 TTHC					
1	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa 1.009464	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
2	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Trực tiếp; Trực tuyến;	Không có	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hiểm bằng phương tiện thủy nội địa 2.002615	đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Dịch vụ bưu chính;		hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; - Nghị định 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép 2.002616	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
4	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng 2.002617	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã			- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG: 01 TTHC					
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương. 1.009794	- 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
B	CẤP XÃ: 04 TTHC					
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG: 01 TTHC					
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình. 1.009794	12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
II	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 03 TTHC					
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.009452		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã			- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
3	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Trực tiếp; Trực tuyến;	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009453	hồ sơ theo quy định	Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Dịch vụ bưu chính;		Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009455	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Trực tiếp; Trực tuyến; Dịch vụ bưu chính;	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung./.

Phụ lục II

**Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng,
Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC đã được bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG: 01 TTHC			
1	1.009788.H52	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng
II	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 01 TTHC			
2	2.001998.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.	Sở Xây dựng